

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/ 2021/DS-PT

Ngày: 29/9/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Dương Liêm.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm văn Diệp;
2. Ông Phạm Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLPT-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2021/QĐ-PT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** ông Đỗ Quang G, sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ x, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Vương Sơn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: số nhà x, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2020).

*** Bị đơn:** ông Thái Văn T, sinh năm 1963; nơi cư trú: số nhà y, tổ z, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Trần Quốc Q, sinh năm 1987; nơi cư trú: nhà số n, đường K, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 21-12-2020).

***Người kháng cáo:** ông Thái Văn T - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Quang G và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - anh Vương Sơn H, trình bày:

Ông Đỗ Quang G và ông Thái Văn T thỏa thuận cùng nhau hùn vốn để thuê vườn mãng cầu để canh tác, thỏa thuận cùng góp tiền thuê đất và tiền đầu tư chăm sóc, lợi nhuận sau khi thu hoạch trừ các chi phí sẽ chia đều. Ngày 11/9/2015, ông G và ông T đã thuê của ông Đỗ Văn Đ một vườn mãng cầu tại ấp Ph, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh để canh tác, thời hạn thuê là 05 năm (kể từ ngày 11/9/2015 đến ngày 30/9/2020), giá thuê là 315.000.000 (ba trăm mười lăm triệu) đồng, ông G đã Thanh toán hết số tiền thuê vườn cho ông Đ và hợp đồng thuê giữa các bên đã thực hiện xong. Theo thỏa thuận, ông G bỏ ra trước số tiền để thanh toán cho ông Đ, còn ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông G 1/2 số tiền thuê. Sau khi kết thúc hợp đồng, ông G và ông T tổng kết lại số tiền thuê vườn mãng cầu và tiền đầu tư trong thời hạn 05 năm là 569.000.000 đồng (trong đó tiền thuê vườn mãng cầu là 315.000.000 đồng, tiền đầu tư phân bón là 254.000.000 đồng). Nhưng ông T chỉ đồng ý thanh toán lại số tiền đầu tư phân bón cho ông G và không đồng ý trả lại 1/2 số tiền thuê vườn mà ông G đã thanh toán cho ông Đ. Vì vậy, ông G khởi kiện yêu cầu ông T trả lại cho ông số tiền 157.000.000 đồng tiền hùn vốn thuê vườn mãng cầu và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông G thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông G chỉ yêu cầu ông T trả cho ông G số tiền 107.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Thái Văn T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Trần Quốc Q, trình bày:

Ông Đỗ Quang G và ông Thái Văn T có thỏa thuận miệng với nhau về việc thuê vườn mãng cầu của người khác để làm chung, theo thỏa thuận thì ông G là người góp vốn, ông T góp công làm, đến khi thu hoạch có lợi nhuận thì chia nhau. Ngày 11/9/2015, ông T ký hợp thuê vườn mãng cầu của ông Đỗ Văn Đ, diện tích

01 ha, trên đất có hơn 800 cây măng cầu 03 năm tuổi, tọa lạc tại ấp Ph, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh, giá thuê là 315.000.000 đồng, thỏa thuận trả 03 lần, thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Khi làm hợp đồng với ông Đ, do ông G không mang theo Giấy chứng minh nhân dân nên ông G kêu ông T đứng tên bên thuê vườn măng cầu, còn ông G và ông Nguyễn Văn Hải ký tên là người làm chứng, ông T đồng ý và đứng tên bên thuê.

Ông T thừa nhận, một mình ông G đã thanh toán toàn bộ số tiền thuê vườn măng cầu 315.000.000 đồng cho ông Đ và thừa nhận ông và ông G làm măng cầu thua lỗ bao gồm lỗ toàn bộ tiền thuê vườn 315.000.000 đồng và tiền phân bón 254.000.000 đồng. Ông T có phụ trả tiền phân bón cho ông G là 127.000.000 đồng (tức là tiền phân bón 254.000.000 đồng chia 2).

Ông Trần Quốc Q (người đại diện theo ủy quyền của ông T) trình bày: giữa ông G và ông T chỉ thỏa thuận miệng với nhau để thuê vườn măng cầu của ông Đ, không có văn bản thỏa thuận hùn vốn gì cả. Trong quá trình làm thì ông G là người trực tiếp mua bán trái măng cầu, ông T là người làm công và ông G thuê ông T làm công mỗi tháng trả 7.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền làm công cụ thể là bao nhiêu thì ông G chưa thanh toán cho ông T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G phải trả tiền công cho ông T trong vụ án này. Nay ông T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G, lý do giữa ông G và ông T thỏa thuận hùn vốn không rõ ràng, ông T chỉ là người làm công cho ông G, còn ông G là người đầu tư nên ông G làm măng cầu lỗ thì ông G tự chịu trách nhiệm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 116, 119, 274, 385 của Bộ luật Dân sự; Điều 92, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quang G đối với ông Thái Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng hùn vốn”. Buộc ông Thái Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Quang G số tiền 107.000.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu) đồng, ghi nhận ông G không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày ông Đỗ Quang G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Thái Văn T chưa thi hành xong số tiền trên, thì ông Thái Văn T còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, ông Thái Văn T có đơn kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quang G khi cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ chứng cứ của vụ án, làm ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Thái Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý thanh toán cho ông G 107.000.000 đồng tiền hùn vốn thuê vườn măng cầu.

- Ông Đỗ Quang G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 107.000.000 đồng tiền hùn vốn thuê vườn măng cầu và không yêu cầu trả lãi.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- **Về tố tụng:** việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** kháng cáo của ông T là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Thái Văn T làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định “Người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi và

nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan". Trong vụ án trên thể hiện ông ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị L có cho ông Đỗ Quang G và ông Thái Văn T thuê vườn măng cầu để canh tác các bên đã thực hiện xong hợp đồng, không có tranh chấp và cũng không có liên quan đến việc ông G tranh chấp với ông T về vốn góp nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Đ và bà L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi liên quan là không đúng; Tòa án cấp phúc thẩm không phải đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Thái Văn T thấy rằng:

[2.1] Ông T kháng cáo cho rằng ông không có hùn vốn với ông G để thuê vườn măng cầu của ông Đ, ông chỉ là người làm công cho ông G. Mặc dù, ông G và ông T không đưa ra được các chứng cứ có góp vốn để cùng làm vườn măng cầu, các thỏa thuận với nhau, nhưng qua các lời trình bày cũng như các chứng cứ đã thu thập được thì có căn cứ xác định chính ông T là người ký giấy thuê vườn măng cầu của ông Đ (bút lục 23) và ông G là người đã trả số tiền thuê cho ông Đ là 315.000.000 đồng việc này ông T cũng xác nhận (bút lục 26); ông T cũng thừa nhận rằng mùa vụ nào ông G cũng báo thua lỗ nên ông không có nhận tiền công và khi tất toán hợp đồng thuê vườn thì còn nợ lại tiền vật tư là 254.000.000 đồng ông T đã chi trả 127.000.000 đồng (tương đương 1/2) (bút lục 67). Cho thấy, hai bên có thỏa thuận cùng với nhau về việc thuê vườn măng cầu của ông Đ, bà L và hợp đồng đã được hai bên thực hiện xong.

[2.2] Về nguyên tắc góp vốn thì có lãi cùng chia, có lỗ thì cùng chịu; quá trình thực hiện đến khi kết thúc hợp đồng ông G cũng đã nhiều lần báo lỗ cho ông T biết, nhưng ông T không có ý kiến phản đối, như vậy là đã đồng thuận việc thua lỗ là có thật. Do vậy, ông T phải cùng với ông G chịu trách nhiệm số tiền thuê vườn măng cầu mà ông G đã bỏ ra trước đó.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền chi phí thuê vườn và chăm sóc măng cầu được hai bên xác định là 569.000.000 đồng; mỗi người phải góp vốn là 284.500.000 đồng, ông T đã chi trả 127.000.000 đồng, còn phải trả tiếp cho ông G là 157.000.000 đồng. Tuy vậy, ông G đồng ý trừ cho ông T 50.000.000 đồng tiền công chăm sóc, giữ vườn... chỉ yêu cầu ông T trả lại cho ông số tiền 107.000.000 đồng (bút lục 65). Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ một cách khách quan toàn diện nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G là có căn cứ, có tình có lý, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 116, 119, 274, 385

của Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án là chưa chính xác. Bởi lẽ, đây thuộc trường hợp đòi lại tiền đã góp vốn trong hợp đồng góp vốn nên phải căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án mới đảm bảo tính chính xác của căn cứ pháp luật; Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh, lược bỏ các điều luật không cần thiết.

[3] Về án phí phúc thẩm:

- Ông Thái Văn T có yêu cầu kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 308, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Văn T.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quang G đối với ông Thái Văn T. Buộc ông Thái Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Quang G số tiền 107.000.000 (một trăm lẻ bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Thái Văn T phải chịu 5.350.000 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Đỗ Quang G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Đỗ Quang G 3.925.000 (ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001439, ngày 04-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Thái Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0001995 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Dương Liêm